

Số: 45/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và dự toán năm 2024 (đợt 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phân bổ Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2023 và năm 2024;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và dự toán năm 2024 (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số 167/BC-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và dự toán năm 2024 (đợt 1), như sau:

1. Dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024: 1.782,523 triệu đồng, trong đó:

a) Dự toán điều chỉnh giảm:

- Nội dung thành phần số 03	:	1.551,711 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 06	:	0,222 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 07	:	230,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 08	:	0,068 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 09	:	0,268 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 11	:	0,255 triệu đồng.

b) Dự toán điều chỉnh tăng:

- Nội dung thành phần số 01	:	74,580 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 03		364,288 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 06	:	550,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 07	:	220,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 08	:	100,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 10	:	464,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 11	:	9,655 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

2. Dự toán vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024: 811 triệu đồng, trong đó:

a) Dự toán điều chỉnh giảm:

- Nội dung thành phần số 07 : 500,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 11 : 311,000 triệu đồng.

b) Dự toán điều chỉnh tăng:

- Nội dung thành phần số 06 : 510,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 07 : 200,000 triệu đồng;
- Nội dung thành phần số 10 : 101,000 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 9 thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện giải ngân								Dự toán điều chỉnh giảm (-)							Dự toán điều chỉnh tăng (+)							Dự toán sau điều chỉnh										
		Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần							Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần						Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần						Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần									
			Thành phần số 01	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 09	Thành phần số 11		Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 09	Thành phần số 11		Thành phần số 01	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 10		Thành phần số 11	Thành phần số 01	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 10	Thành phần số 11		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
	TỔNG CỘNG	2.758,028	966,820	1.551,711	0,222	230,000	0,068	0,268	8,940	-1.782,523	-1.551,711	-0,222	-230,000	-0,068	-0,268	-0,255	1.782,523	74,580	364,288	550,000	220,000	100,000	464,000	9,655	2.758,028	1.041,400	364,288	550,000	220,000	100,000	464,000	18,340		
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.418,235		1.418,235						-1.418,235	-1.418,235																							
2	Văn phòng Điều phối NTM	8,686							8,686								9,655							9,655	18,340								18,340	
3	Công an tỉnh																464,000						464,000		464,000								464,000	
4	Huyện Na Hang	966,820	966,820														384,580	74,580		210,000		100,000			1.351,400	1.041,400		210,000		100,000				
5	Huyện Chiêm Hóa																340,000			340,000					340,000			340,000						
6	Huyện Hàm Yên																220,000				220,000				220,000				220,000					
7	Thành phố Tuyên Quang	364,288		133,476	0,222	230,000	0,068	0,268	0,255	-364,288	-133,476	-0,222	-230,000	-0,068	-0,268	-0,255	364,288		364,288						364,288		364,288							

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 giao tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 07/12/2023					Dự toán điều chỉnh giảm (-)					Dự toán điều chỉnh tăng (+)					Dự toán sau điều chỉnh				
		Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần				Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần				Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần				Tổng dự toán	Chia theo nội dung thành phần			
			Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 10	Thành phần số 11		Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 10	Thành phần số 11		Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 10	Thành phần số 11		Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 10	Thành phần số 11
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG	6.138,713	2.530,000	1.061,784	884,830	1.662,099	-811,000		-500,000		-311,000	811,000	510,000	200,000	101,000		6.138,713	3.040,000	761,784	985,830	1.351,099
1	Văn phòng Điều phối NTM	1.473,694				1.473,694	-296,000				-296,000						1.177,694				1.177,694
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.061,784		1.061,784			-500,000		-500,000								561,784		561,784		
3	Sở Nội vụ	188,405				188,405	-15,000				-15,000						173,405				173,405
4	Công an tỉnh	884,830			884,830							101,000			101,000		985,830			985,830	
5	Huyện Hàm Yên											200,000		200,000			200,000		200,000		
6	Huyện Sơn Dương	2.530,000	2.530,000									510,000	510,000				3.040,000	3.040,000			